

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 02 - 2022
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thiện Hoàn;
2. Ông Trương Văn Hăng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Chúc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 242/2021/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 539/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 551/2021/QĐST-DS, ngày 22 tháng 12 năm 2021; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 34/TB-TA ngày 12 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà N, sinh năm 1988; cư trú: Tổ 16, ấp H, xã Đ, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông M, sinh năm 1982; cư trú: Tổ 16, ấp H, xã Đ, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, bà N có mặt, ông M vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của bà N; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hôn nhân giữa bà N và ông M là do cha mẹ định đoạt, có đăng ký kết hôn

và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 133 ngày 09 tháng 10 năm 2007. Khoảng năm 2011 thì hai người phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông M không lo làm ăn, khó khăn về kinh tế. Do hôn nhân không hạnh phúc, nên bà N xin ly hôn.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà N và ông M có 01 (một) con chung tên L, sinh ngày 27/8/2006. Cháu L đang sống cùng bà N. Bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn và không yêu cầu ông M cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông M không có mặt theo triệu tập của Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến. Ông M cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến. Bà N có yêu cầu không hòa giải về tình cảm.

Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu L: Theo Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 01/12/2021, cháu L có nguyện vọng được chung sống với bà N khi ông M và bà N ly hôn. Tiến hành xác minh nơi cư trú, tình trạng hôn nhân. Theo Biên bản xác minh ngày 01/12/2021, thì ông M vẫn còn đăng ký hộ khẩu và sinh sống tại ấp H, xã Đ, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Ông M và bà N đã ly thân và đã ly hôn theo phong tục của đạo Hồi Giáo.

Tại phiên tòa, bà N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Hội đồng xét xử công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tiến hành xét xử vắng mặt ông M là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo trình bày của bà N và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà N và ông M đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N. Về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, đề nghị chấp nhận nguyện vọng của cháu L, giao cháu cho bà N trực tiếp nuôi dạy.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tòa án đã tiến hành thủ tục hòa giải và công khai tài liệu, chứng cứ theo đúng quy định nhưng ông M đều vắng mặt và không có ý kiến; bà N có yêu cầu không hòa giải, nên tiến hành xét xử mà không qua thủ tục hòa giải theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà N khởi kiện xin ly hôn với ông M và có nguyện vọng nuôi con chung sau ly hôn. Xác định quan hệ tranh chấp “*ly hôn, nuôi con chung*”. Bị đơn ông M đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện sinh sống tại ấp H, xã Đ, huyện An Phú, tỉnh An Giang, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[1.3] Về việc vắng mặt đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, ông M vắng mặt không lý do. Do đó, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông M là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của bà N, kết quả xác minh được biết, nguyên nhân mâu thuẫn trong tình cảm giữa bà N và ông M là do bất đồng quan điểm sống, khó khăn về kinh tế. Bà N và ông M đã ly thân từ năm 2011. Trong thời gian ly thân, cũng như trong thời gian Tòa án tiến hành giải quyết vụ án, ông M không có ý kiến yêu cầu đoàn tụ. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa ông M và bà N đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà N và ông M có 01 (một) con chung tên L, sinh ngày 27/8/2006. Cháu L đang sống cùng bà N và được nuôi dạy tốt. Cháu L có nguyện vọng tiếp tục sống với bà N sau khi bà N và ông M ly hôn. Do đó, giao cháu L cho bà N trực tiếp nuôi dạy sẽ đảm bảo tâm sinh lý, sự phát triển và nguyện vọng của cháu L.

Công nhận sự tự nguyện của bà N về việc không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

Tuy nhiên, nếu ông M có căn cứ xác định có tài sản chung, nợ chung thì có thể khởi kiện và được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về chi phí tố tụng:

Về án phí, bà N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, ông M không phải chịu án phí.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N,

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà N được ly hôn với ông M.

Giấy chứng nhận kết hôn số 133 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp ngày 09/10/2007 cho ông M và bà N không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà N được trực tiếp nuôi dạy con chung tên L, sinh ngày 27/8/2006. Ông M không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Ông M và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con của bà N. Ngược lại, bà N và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của ông M.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0007079 ngày 27/4/2021. (Bà N đã nộp đủ).

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai có mặt bà N. Thời hạn kháng cáo của bà N là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/02/2022). Thời hạn kháng cáo của ông M là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã Đ (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Sáu

